Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8440.90.00

Mã HS	8440.90.00
Mô tả hàng hóa	Máy đóng sách, kể cả máy khâu sách / - Bộ phận
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 00:38:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84409000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13862
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13862
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13862
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13174
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13115
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13115
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13115
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13115
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13115
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13115
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13169
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13169

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13169
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13169
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13169
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13169
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13170
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13170
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13170
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13170
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13170
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13170
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13173
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13121
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13129
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13129
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13129
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13129
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13129
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13129
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13160
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13160
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13160
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13160
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13160
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13160
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13209
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13209

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13209
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13209
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13209
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13209
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13192
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13192
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13192
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13192
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13192
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13192
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13192
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13192
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13192
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13192
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13192
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13192
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13207
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13207
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13207
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13207
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13207
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13207
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13206
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13206
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13206
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13206

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13206
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13206
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13186
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13186
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13186
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13186
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13186
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13186
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13186
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13194
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13194
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13194
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13194
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13194
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13194
RCEP B	2022	2022	0	B!D13194
RCEP B	2023	2023	0	B!E13194
RCEP B	2024	2024	0	B!F13194
RCEP B	2025	2025	0	B!G13194
RCEP B	2026	2026	0	B!H13194
RCEP B	2027	2027	0	B!I13194
RCEP C	2022	2022	0	C!D13194
RCEP C	2023	2023	0	C!E13194
RCEP C	2024	2024	0	C!F13194
RCEP C	2025	2025	0	C!G13194
RCEP C	2026	2026	0	C!H13194

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13194
RCEP D	2022	2022	0	D!D13193
RCEP D	2023	2023	0	D!E13193
RCEP D	2024	2024	0	D!F13193
RCEP D	2025	2025	0	D!G13193
RCEP D	2026	2026	0	D!H13193
RCEP D	2027	2027	0	D!I13193
RCEP E	2022	2022	0	E!D13197
RCEP E	2023	2023	0	E!E13197
RCEP E	2024	2024	0	E!F13197
RCEP E	2025	2025	0	E!G13197
RCEP E	2026	2026	0	E!H13197
RCEP E	2027	2027	0	E!I13197
RCEP F	2022	2022	0	F!D13194
RCEP F	2023	2023	0	F!E13194
RCEP F	2024	2024	0	F!F13194
RCEP F	2025	2025	0	F!G13194
RCEP F	2026	2026	0	F!H13194
RCEP F	2027	2027	0	F!I13194
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12240
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12240
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12240
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12240

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8440.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8440.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8440.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8440.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13862), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.